

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**
Bản án số: 16/2021/DS-PT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 23 - 02 - 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng

Các Thẩm phán: 1/. Ông Nguyễn Thành Hữu.

2/. Bà Trương Tố Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 04 và ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2020/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 235/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 17/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12/2021/QĐPT-DS ngày 04/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A;

Địa chỉ trụ sở: đường T, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông B; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông C, sinh năm 1990; chức danh: Phó phòng KHCN Ngân hàng A; Địa chỉ: đường Đ, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông D; sinh năm: 1968; Địa chỉ: Ấp T, xã Q, thị xã N. (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Nguyên đơn Ngân hàng A có người đại diện theo ủy quyền ông C trình bày:**

Ngày 02/02/2018, ông D có vay tiêu dùng - mở hạn mức thẻ Visa của Ngân hàng A - Chi nhánh Sóc Trăng với số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) theo Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 20078036000010, cụ thể:

- Hạn mức tiền vay: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).
- Mục đích vay: Tiêu dùng.
- Loại thẻ: Visa Classic.
- Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế.

Trong quá trình vay mở thẻ Visa, ông D không thực hiện việc thanh toán vốn và lãi theo cam kết cho Ngân hàng. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc và làm việc để tạo điều kiện cho ông D trả nợ nhưng ông vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 20078036000010 được ký kết với Ngân hàng.

Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông D phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền 87.473.055đ (Tám mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn không trăm năm mươi lăm đồng) trong đó: Nợ gốc là 49.728.212đ (Bốn mươi chín triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn hai trăm mười hai đồng), nợ lãi tính từ ngày 06/12/2018 đến ngày 20/10/2020 là 37.744.843đ (Ba mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi ba đồng) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

* Đối với bị đơn ông D, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ về Thông báo thụ lý vụ án và thông báo hai lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa ông D đều vắng mặt.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng A về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông D.

- Buộc bị đơn ông D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 87.473.055đ (Tám mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn không trăm năm mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 49.728.212đ (Bốn mươi chín triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn hai trăm mười hai đồng), nợ lãi là 37.744.843đ (Ba mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi ba đồng) (tính từ ngày 06/12/2018 đến ngày 20/10/2020).

Ông D phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/10/2020 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 20078036000010 ngày 02/02/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

* Ngày 17-11-2020, bị đơn ông D có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 28/2020/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết xét xử lại vụ án theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao về cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông D, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn ông D là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về nội dung: Bị đơn ông D có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) và được Ngân hàng A cấp thẻ tín dụng 20078036000010. Theo Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 20078036000010 do ông D ký hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất 22%/năm, phương thức trả nợ theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế và được Ngân hàng A - Chi nhánh Sóc Trăng ký duyệt đồng ý đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình

thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Tuy nhiên, khi sử dụng thẻ thì ông D đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết theo Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế Kienlongbank số 20078036000010 ngày 02/02/2018.

Do đó, Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D phải thanh toán số tiền 87.473.055đ, trong đó: Nợ gốc là 49.728.212đ, nợ lãi tính từ ngày 06/12/2018 đến ngày 20/10/2020 là 37.744.843đ và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng các bên đã ký kết.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông D thì thấy, việc các bên ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi được giải thích quyền và nghĩa vụ khi ký kết hợp đồng thì Ngân hàng A và ông D đã ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Tuy nhiên, sau khi sử dụng thẻ thì ông D đã không thực hiện đúng thỏa thuận theo Quyết định số 2995/QĐ-NHKL, ngày 15-8-2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng A. Do đó, việc Ngân hàng A yêu cầu ông D trả số tiền vốn gốc là 49.782.212 đồng là có căn cứ, nên việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về việc xác định lãi suất: Theo Quyết định số 2995/QĐ-NHKL, ngày 15-8-2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng A thì lãi suất bao gồm lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, phí phạt chậm trả và phí phạt vượt hạn mức. Do việc hai bên ký kết hợp đồng sử dụng thẻ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do đó, việc cấp sơ thẩm buộc ông D phải chịu lãi suất tính từ ngày 06-12-2018 (ngày bắt đầu vi phạm hợp đồng) đến ngày xét xử sơ thẩm 20-10-2020 với số tiền là 37.744.843 đồng (trong đó lãi phát sinh còn lại là 17.025.451 đồng; Phí phạt chậm trả 12.511.759 đồng và phí phạt vượt hạn mức là 8.207.629 đồng) là hoàn toàn có căn cứ, đúng theo sự thỏa thuận của các bên và đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa, bị đơn ông D đề nghị Hội đồng xét xử cho bị đơn xin giảm lãi và xin được trả số tiền nợ gốc hàng tháng do không có điều kiện trả 01 lần. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A không đồng ý và có thiện chí sẽ xem xét khi đến giai đoạn thi hành án. Do đó, yêu cầu này của bị đơn Gô cũng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ, nên kháng cáo của bị đơn ông D là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn ông D không được chấp nhận, nên ông D phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông D.

2/. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2020/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng A về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông D.

- Buộc bị đơn ông D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 87.473.055đ (Tám mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn không trăm năm mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 49.728.212đ (Bốn mươi chín triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn hai trăm mười hai đồng), nợ lãi là 37.744.843đ (Ba mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi ba đồng) (tính từ ngày 06/12/2018 đến ngày 20/10/2020).

Ông D phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/10/2020 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 20078036000010 ngày 02/02/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông D phải chịu 4.373.653đ (Bốn triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng).

3. Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 1.730.000đ (Một triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003529 ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng..

3/. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông D phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007577 ngày 04-12-2020 của Chi cục Thi hành án thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bị đơn D đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Phụng